**GIÁO TRÌNH LARAVEL - BUỔI 10**

**MODEL (Mở rộng)**

**Một số câu lệnh query bulder thường dùng mở rộng :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lệnh truy vấn** | **Mô tả** | **Ví dụ** |
| join('bảng liên kết',  'cột liên kết 1',  'điều kiện',  'cột liên kết 2') | Lệnh Join bảng trong truy vấn | *DB*::table('users')->  join('contacts',  'users.id',  '=',  'contacts.user\_id')->  select('contacts.phone')->get(); |
| where('cột 1',  'điều kiện' ,  giá trị ) | Điều kiện where | *DB*::table('users')->  where('votes', '=', 100)->get(); |
| orwhere('cột 1',  'điều kiện' ,  giá trị ) | Điều kiện hoặc | *DB*::table('users')->  where('votes', '=', 100)->  orwhere('age', '>=', '18')->get(); |
| orderBy('tên cột',  'điều kiện') | Lệnh orderBy | *DB*::table('users')->  orderBy('name', 'desc')->get(); |
| skip(vị trí)->  take(số lượng) | Giới hạn kết quả truy vấn Tương đương với LIMIT | *DB*::table('users')->skip(10)->take(5)  ->get(); |
| avg('tên cột'); | Lấy giá trị trung bình | *DB*::table('users')->  where('id','>' ,8)->avg('id'); |
| max('price'); | Lấy giá trị max | *DB*::table('orders')->max('price'); |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| count(); | Lệnh đếm | *DB*::table('users')->count(); |
| update(['tên cột' => giá trị]); | Lệnh update | *DB*::table('users')->where('id', 1)->  update(['votes' => 1]); |
| increment('tên cột',giá trị)  decrement('tên cột',giá trị) | Tăng/giảm giá trị cột | *DB*::table('users')->  increment('level',4); |
| delete(); | Xóa dữ liệu | *DB*::table('users')->truncate(); |
| truncate(); | Xóa tất cả dữ liệu trong bảng và đặt chỉ số tự tăng về 0 | DB::table('users')->truncate(); |

Ngoài ra có thể tham khảo tại : <https://laravel.com/docs/6.x/queries>